

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH Đ, TỈNH BT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **51** /2022/DS-ST
Ngày: 17/08/2022
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và hợp đồng góp hụi*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH Đ, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Lê Văn Đạo.

Ông: Nguyễn Tường Bích.

- ***Thư ký phiên Tòa:*** Ông Phạm Quốc Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đ, tỉnh BT.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đ tham gia phiên tòa:***
Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đ, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2022/TLST – DS ngày 22 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2022/ QĐST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp VH, xã VH, huyện Bình Đ, tỉnh BT.

Bà L ủy quyền cho: Lê Minh T, sinh năm 1995; cư trú: Số 30/1; ấp Quí Đ A, xã Quới Đ, huyện Thạnh P, tỉnh BT theo Giấy ủy quyền ngày 16/2/2022 và bà Đinh Thị Bé M, sinh năm 1972, địa chỉ: 65B7, khu phố 4, phường Phú Kh, thành phố BT, tỉnh BT.

Bà Đinh Thị Bé M và ông Lê Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

- ***Bị đơn:***

1/ Ông **Trần Công Đ**, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

2/ Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: ấp VĐ, xã VH, huyện Bình Đ, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 15/02/2022, bản tự khai ngày 04/7/2022 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày nội dung khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:*

Vào năm 2021 ông Trần Công Đ và bà Nguyễn Thị H có tham gia 04 dây hụi do bà làm chủ hụi. Quá trình chơi hụi thì vợ chồng ông Được và bà H đã hốt hụi tất cả 04 phần. Tuy nhiên, sau khi hốt xong tất cả các phần hụi của mình nhưng ông, bà không đóng hụi chết cho đến khi các dây hụi kết thúc.

Ngày 20/04/2021 hai bên tổng kết lại để xác định số tiền hụi chết còn nợ thì vợ chồng bà Trần Thị H và ông Trần Công Đ còn nợ bà số tiền là 270.000.000 đồng và có ký tên xác nhận tại “ Tờ cam kết”.

Ngày 01/3/2021 bà có cho vợ chồng ông Được, bà H vay số tiền là 600.000.000 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn dùng làm căn cứ cho yêu cầu khởi kiện là các giấy mượn tiền như sau:

- Giấy mượn tiền ngày 07/3/2021; Tờ cam kết ngày 20/4/2021.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Được và bà H phải trả tổng số tiền hụi, tiền vay là 870.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2022, ngày 15/7/2022 ông Nguyễn Công Đ, bà Nguyễn Thị H khai như sau:*

Theo Giấy nhận nợ ngày 07/03/2021; Tờ cam kết ngày 20/4/2021 thì vợ chồng ông, bà thừa nhận có vay của bà L số tiền vốn vay là 600.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, từ khi vay đến nay thì không trả lãi hiện nay còn nợ số tiền vốn vay trên.

Thừa nhận vợ chồng ông, bà có tham gia chơi hụi do bà L làm chủ, đã hốt hụi và còn nợ lại tiền hụi chết tổng số là 270.000.000 đồng.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà L vợ chồng ông, bà đồng ý trả số nợ vay 600.000.000 đồng, nợ hụi 270.000.000 đồng.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đ, tỉnh BT tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo các nguyên tắc do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền đã vay còn nợ 600.000.000 đồng, tiền hụi 270.000.000 đồng và chứng cứ nguyên đơn dùng làm căn cứ cho việc khởi kiện là: Giấy mượn tiền ngày 07/3/2021 và Tờ cam kết ngày 20/4/2021 có chữ ký tên xác nhận của bị đơn. Bị đơn thừa nhận còn nợ tổng số tiền theo yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật TTDS.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bà Trần Thị L khởi kiện yêu cầu ông Trần Công Đ và bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền vay còn thiếu, tiền nợ hui. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui*” theo quy định tại Điều 463, 471 của Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Nguyễn Thị H, ông Trần Công Đ có nơi cư trú ấp VĐ, xã VH, huyện Bình Đ, tỉnh BT. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đ.

[3] Bà Đinh Thị Bé Mười, ông Lê Minh Trí, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Công Đ có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định.

Về nội dung vụ án:

[4] Quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông Trần Công Đ và bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền nợ vốn vay còn thiếu là 600.000.000 đồng và tiền nợ hui là 270.000.000 đồng thể hiện tại chứng cứ là “*giấy mượn tiền ngày 07/03/2021; Tờ cam kết ngày 20/4/2021*” do ông Được, bà H tự viết, tự ký tên xác nhận.

Căn cứ lời khai của bà H, ông Được thì vợ chồng ông, bà thừa nhận hai chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án và thừa nhận còn nợ số tiền vay, tiền hui như nguyên đơn đã yêu cầu. Do đó, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật TTDS.

Do vậy, bà L khởi kiện đòi vợ chồng bà H và ông Được phải trả số tiền vốn vay còn thiếu 600.000.000 đồng và tiền nợ hui là 270.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy: Tổng số tiền mà ông Trần Công Đ, bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị L là 827.000.000 đồng (tám trăm hai mươi bảy triệu đồng).

[5] Tại đơn khởi kiện ngày 15/02/2022 nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi đối với số tiền vay. Tuy nhiên, tại đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ngày 16/8/2022 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi. Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự

nguyên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút.

[6] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

Căn cứ **khoản 2 Điều 26** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định, số tiền án phí phải chịu được tính là: 36.810.000 đồng (ba mươi chín triệu bảy trăm hai chục ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 471 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc vợ chồng ông Trần Công Đ và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị L tổng số tiền vay, tiền hui còn thiếu là 827.000.000 đồng (tám trăm hai mươi bảy triệu đồng).

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Trần Công Đ và bà Nguyễn Thị H phải liên đới chịu là 36.810.000 đồng (ba mươi sáu triệu tám trăm mười ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Trần Thị L số tiền tạm ứng đã nộp là 15.080.000 đồng (mười lăm triệu không trăm tám chục ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008707 ngày 22/6/2022 và số tiền là 6.750.000 đồng (sáu triệu bảy trăm năm chục ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008706 ngày 22/6/2022 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Bình Đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến T (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đ;
- Chi cục THADS huyện Bình Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Loan

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BT (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đ;
- Chi cục THADS huyện Bình Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Loan